

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sĩ.
2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn Út L, sinh năm 1968 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Chỗ ở hiện nay: Khóm W, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Chỗ ở hiện nay: Khóm W, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Phùng Văn Út L trình bày: Ông và bà T đã tự tìm hiểu, sau đó được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho ông, bà chung sống vào năm 1989, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 21/01/2002. Sau khi kết hôn ông, bà sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất

đồng ý kiến trong cuộc sống, trong sinh hoạt chi tiêu gia đình nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, ông Út L cũng đã tìm mọi cách để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không được nên đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay.

Nay, ông Út L thấy tình cảm vợ chồng đã bị đổ vỡ hoàn toàn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Phùng Thị Kim B, sinh năm 1989 và Phùng Thị Kim T, sinh năm 1993. Hiện nay 02 người con đã lớn tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Về tài sản chung: Ông Phùng Văn Út L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không thiếu nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và Thông báo số 27/TB-TA ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu bà trình bày ý kiến về việc yêu cầu xin ly hôn, tài sản chung, con chung và nợ của ông Út L theo quy định hợp lệ nhưng bà T không đến Tòa án trình bày và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án và cũng không có mặt tại các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phùng Văn Út L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn hiện cư trú tại địa bàn khóm W, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Phùng Văn Út L và bà Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện và ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định, trong quá trình chung sống ông, bà sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ông Út L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và ông, bà đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, từ khi ly thân đến nay ông, bà không gặp nhau để tìm ra phương cách hàn gắn lại với nhau. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có

tiến hành hòa giải để động viên cho ông, bà hàn gắn lại với nhau nhưng bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án xem xét, chứng tỏ bà T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Phùng Văn Út L. Xét thấy, đời sống chung của ông, bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Út L đối với bà T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Tại phiên tòa, ông Út L trình bày trong thời gian chung sống ông và bà T sinh được 02 người con Phùng Thị Kim B, sinh năm 1989 và Phùng Thị Kim T, sinh năm 1993. Hiện nay 02 người con đã lớn tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết bà T không có ý kiến gì đối với 02 người con theo yêu cầu của ông Út L nên không xem xét là phù hợp.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa và trong quá trình thu thập chứng cứ ông Út L trình bày: Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng cũng không thiếu nợ ai khác. Đối với bà T không có ý kiến cung cấp trong quá trình Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, bà T vắng mặt, xét thấy bà T đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Phùng Văn Út L chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phùng Văn Út L đối với bà Nguyễn Thị T (theo giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 08, quyển số 01/2002, ngày 21 tháng 01 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Phùng Văn Út L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0000398 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, ông Út L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông